

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/DS-ST

Ngày: 12-6-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG
NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Na Na

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Hùng

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2024/QĐXXST-DS ngày 12-4-2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 167/2024/QĐST-DS ngày 03-5-2024 và Thông báo về việc chuyển ngày xét xử vụ án số 61/TB-TA ngày 21-5-2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S;

Địa chỉ: Số B - B N, phường V, Quận C, Thành Phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Minh H - Phó Giám đốc phụ trách Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh Q.

Địa chỉ: Số D Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

(Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Mai Lê H1, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số G đường P, tổ D, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; (bà H1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02-11-2023 và quá trình giải quyết vụ án; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại cổ phần S (viết tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 14/01/2014, bị đơn bà Mai Lệ H1 có ký với Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Q (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng. Căn cứ vào thu nhập thực tế của bị đơn Ngân hàng đã đồng ý cấp hạn mức sử dụng thẻ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với số tiền là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, cụ thể:

- Đối với thẻ tín dụng Family 970403 - 6827: Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bị đơn đã thực hiện 05 lần giao dịch với tổng số tiền là 31.255.660 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bị đơn đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 10.664.975 đồng. Tổng số tiền được thanh toán 10.664.975 đồng được trừ thanh toán cho các khoản phí, lãi trước, số tiền còn lại sẽ trừ vào số tiền đã giao dịch, cụ thể: trừ vào tổng tiền lãi trong hạn: 7.200.489 đồng và P trễ hạn thanh toán: 1.067.715 đồng và P rút tiền mặt: 21.000 đồng; số tiền còn lại sẽ trừ vào số tiền đã giao dịch 31.255.660 đồng, sau khi trừ thì số tiền còn thiếu là 28.879.889 đồng.

- Đối với thẻ tín dụng Visa 472075 - 6397: Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bị đơn đã thực hiện 06 lần giao dịch với tổng số tiền là 33.553.435 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bị đơn đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 14.110.000 đồng. Tổng số tiền được thanh toán 14.110.000 đồng được trừ thanh toán cho các khoản phí, lãi trước, số tiền còn lại sẽ trừ vào số tiền đã giao dịch, cụ thể: trừ vào tổng tiền lãi trong hạn: 6.168.582 đồng và P trễ hạn thanh toán: 1.221.920 đồng và P rút tiền mặt: 148.000 đồng; số tiền còn lại sẽ trừ vào số tiền đã giao dịch 33.553.435 đồng, sau khi trừ thì số tiền còn thiếu là 26.981.937 đồng.

Trong quá trình trả nợ vay bị đơn thường xuyên vi phạm hợp đồng tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Đến nay bị đơn không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 05/02/2015. Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bị đơn và chuyên toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tạm tính đến ngày 11/6/2024, bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền 294.347.525 đồng, trong đó nợ gốc 55.861.826 đồng; nợ lãi 238.485.699 đồng (lãi trong hạn 158.990.466 đồng; lãi quá hạn 79.495.233 đồng).

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn bà Mai Lệ H1 phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ trên tạm tính đến ngày 11/6/2024: 294.347.525 đồng (trong đó nợ gốc 55.861.826 đồng; nợ lãi 238.485.699 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 12/6/2024 cho đến khi trả hết nợ vay.

* *Đối với bị đơn bà Mai Lệ H1*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu chứng cứ; không đến Tòa án làm việc và không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi*:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 11/6/2024 là 294.347.525 đồng (trong đó nợ gốc 55.861.826 đồng; nợ lãi 238.485.699 đồng) và bị đơn tiền lãi phát sinh kể từ ngày 12-6-2024 cho đến khi trả hết nợ vay.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện tranh chấp về hợp đồng tín dụng với bị đơn bà Mai Lệ H1. Trong vụ án này bà Mai Lệ H1 không có đăng ký kinh doanh, vay tiền nhằm mục đích tiêu dùng và tại thời điểm cấp thẻ tín dụng với Ngân hàng thì bà Mai Lệ H1 có địa chỉ tổ D, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án dân sự “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Xét việc Nguyên đơn là Ngân hàng vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt không có lý do

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Mai Lệ H1 đã vắng mặt tại nơi cư trú tổ D, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi nhưng lại không thông báo cho Ngân hàng biết là vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Mai Lệ H1 tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà Mai Lệ H1 đã vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng

xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án để tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Bị đơn Mai Thị Lệ H2 không khai báo và giao nộp tài liệu, chứng cứ tự chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu trả nợ của nguyên đơn: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án, có đủ căn cứ để xác định:

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được ký kết giữa các bên vào ngày 14/01/2015 tại 02 thẻ tín dụng FAMILY 970403 - 6827 và thẻ VISA 472075 - 6397 giữa Ngân hàng với bà Mai Lệ H2 là hợp pháp và có giá trị pháp lý, làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong hợp đồng. Sau khi hợp đồng thẻ tín dụng được ký kết, bị đơn đã được cấp hạn mức tại hai thẻ tín dụng với số tiền 50.000.000 đồng:

- Thẻ tín dụng FAMILY 970403 - 6827: Bị đơn đã thực hiện 05 lần giao dịch với tổng số tiền là 31.255.660 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ đã thanh toán số tiền 10.664.975 đồng. Tổng số tiền được thanh toán 10.664.975 đồng được trừ thanh toán cho các khoản tiền lãi trong hạn: 7.200.489 đồng và P trễ hạn thanh toán: 1.067.715 đồng và P rút tiền mặt: 21.000 đồng; số tiền còn lại sẽ trừ vào số tiền đã giao dịch 31.255.660 đồng, sau khi trừ thì số tiền còn nợ là 28.879.889 đồng.

- Thẻ tín dụng VISA 472075 - 6397: Bị đơn đã thực hiện 06 lần giao dịch với tổng số tiền là 33.553.435 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ đã thanh toán số tiền 14.110.000 đồng. Tổng số tiền được thanh toán 14.110.000 đồng được trừ thanh toán cho các khoản tiền lãi trong hạn: 6.168.582 đồng và P trễ hạn thanh toán: 1.221.920 đồng và P rút tiền mặt: 148.000 đồng; số tiền còn lại sẽ trừ vào số tiền đã giao dịch 33.553.435 đồng, sau khi trừ thì số tiền còn nợ là 26.981.937 đồng.

Tạm tính đến ngày 11/6/2024, bị đơn còn nợ nguyên đơn với tổng số tiền 294.347.525 đồng; trong đó nợ gốc 55.861.826 đồng; nợ lãi 238.485.699 đồng (lãi trong hạn 158.990.466 đồng; lãi quá hạn 79.495.233 đồng)

Thời điểm trả nợ cuối cùng cho Ngân hàng là ngày 05/02/2015 từ đó đến nay bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tại các Hợp đồng mở thẻ tín dụng. Như vậy, bị đơn bà H2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại các Điều 20; Điều 23 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng: “*việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo hợp đồng. Trong trường hợp này toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán.*” và vi phạm cam kết của khách hàng như đã cam kết tại giấy

đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng đã lập ngày 24/01/2014 giữa bà H2 với Ngân hàng. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Mai Lệ H2 phải trả nợ gốc và lãi thẻ tín dụng là hoàn toàn phù hợp với Hợp đồng mở thẻ tín dụng đã được ký kết; phù hợp với quy định tại các Điều 91; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng và Điều 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và phù hợp với các cam kết đối với Hợp đồng mở thẻ tín dụng. Nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nợ gốc và lãi phải trả:

[2.2.1] *Về nợ gốc:* Sau khi thực hiện các giao dịch, tổng số tiền do bị đơn bà Mai Lệ H2 đã thanh toán cho Ngân hàng, được trừ vào các khoản, lãi trong hạn, phí trễ hạn thanh toán, phí rút tiền mặt, số tiền còn lại sẽ trừ vào số tiền đã giao dịch. Sau khi trừ thì số tiền bị đơn còn nợ tại thẻ tín dụng FAMILY 970403 - 6827 là 28.879.889 đồng và thẻ VISA 472075 - 6397 là 26.981.937 đồng (tạm tính đến ngày 11/6/2024). Tổng cộng nợ gốc 55.861.826 đồng, là phù hợp với số tiền gốc đã vay, đã trả và phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2.2] *Về nợ lãi:* Hội đồng xét xử xét thấy từ ngày 05/02/2015 đến nay bà Mai Lệ H2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Do đó, ngoài việc phải trả tiền lãi trong hạn, thì bà Mai Lệ H2 còn phải tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất quy định tại mục 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (lãi suất nợ quá hạn 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại). Cụ thể số tiền lãi bị đơn bà Mai Lệ H2 phải trả cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 11/6/2024 tại 02 thẻ tín dụng tổng cộng: 238.485.699 đồng (trong đó lãi trong hạn 158.990.466 đồng; lãi quá hạn 79.495.233 đồng), cụ thể:

- Thẻ FAMILY 970403 - 6827: Lãi trong hạn: Thời gian tính lãi từ ngày 05/2/2015 đến 11/6/2024 (3.414 ngày) x 2.5% x 28.879.889 đồng = 82.196.150 đồng; Lãi quá hạn: 3.414 ngày x 3.752% x 28.879.889 đồng = 41.098.075 đồng. Tổng lãi: 123.294.224 đồng (Một trăm hai mươi ba triệu, hai trăm chín chôn nghìn, hai trăm hai mươi bốn đồng).

- Thẻ VISA 472075 - 6397: Lãi trong hạn: 3.414 ngày x 2.5% x 26.981.937 đồng = 76.794.316 đồng. Lãi quá hạn: 3.414 ngày x 3.752% x 26.981.937 đồng = 38.397.158 đồng. Tổng lãi: 115.191.474 đồng (Một trăm mười lăm triệu, một trăm chín mươi một nghìn, bốn trăm bảy mươi bốn đồng).

Xét yêu cầu trả lãi của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại các Điều 466; 468 và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Bà Mai Lệ H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền (294.347.525 đồng x 5%) = 14.717.376 đồng (Mười bốn triệu, bảy trăm mười bảy nghìn, ba trăm bảy mươi sáu đồng).

Ngân hàng không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1; 3 Điều 228; Điều 147, Điều 235, 266, 271 và 273; 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; các Điều 357; 463; 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc bà Mai Lệ H2 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tạm tính đến ngày 11/6/2024 với tổng số tiền là **294.347.525** đồng (*Hai trăm chín mươi bốn triệu, ba trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm hai mươi lăm đồng*); trong đó nợ gốc là 55.861.826 đồng; nợ lãi 238.485.699 đồng (lãi trong hạn 158.990.466 đồng, lãi quá hạn 79.495.233 đồng) và tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 12/6/2024 cho đến khi bà Mai Lệ H2 trả xong các khoản nợ tại Ngân hàng theo các thỏa thuận tại Hợp đồng mở thẻ tín dụng ngày 24/01/2014.

2. Về án phí: Bị đơn bà Mai Lệ H2 phải chịu **14.717.376** đồng (*Mười bốn triệu, bảy trăm mười bảy nghìn, ba trăm bảy mươi sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.159.650 đồng (Năm triệu, một trăm năm mươi chín nghìn, sáu trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000946 ngày 28/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP. Quảng Ngãi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Na Na